

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU VỀ CẢI LƯƠNG HƯƠNG TỤC THÍ ĐIỂM Ở BẮC KỲ QUA MỘT SỐ VĂN BẢN TỤC LỆ BẰNG CHỮ NÔM

ĐÀO PHƯƠNG CHI (*)

Trước khi đi vào nội dung chính, chúng tôi xin giới thuyết như sau: ① Có sự khác biệt giữa “cải lương hương tục” và “cải lương hương chính” khi sử dụng trong bài viết này. “Cải lương hương tục” là chỉ toàn bộ những cải lương về mọi mặt từ chính trị, hành chính đến phong tục... (lập Hội đồng tộc biểu, lập sổ chi thu; tiết giảm chi phí trong khao vọng, tang ma, cưới hỏi, tế tự; canh phòng; luân lý...), tức là bao gồm cả những nội dung do nhà nước quy định lẫn nội dung địa phương đưa ra; còn “cải lương hương chính” thì chỉ bao gồm những quy định cải lương được ban hành trong Nghị định của nhà nước mà thôi. ② “Cải lương hương tục” và “cải lương hương chính” được bàn trong bài viết này, về không gian, chỉ giới hạn ở khu vực Bắc kỳ, còn về thời gian, chỉ tính từ ngày 12 tháng 8 năm 1921, thời điểm Thống sứ Bắc kỳ ban hành *Nghị định và lời chỉ thị về việc lập các Hương hội*⁽¹⁾ và *lập sổ chi thu các xã trong xứ Bắc kỳ* (gọi tắt là *Nghị định*) trở về trước.

Cải lương hương chính là một phong trào do chính quyền thực dân Pháp đề xướng nhằm tổ chức lại bộ máy quản trị làng xã phù hợp hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng quyền quản lý làng xã của nhà cầm quyền. Cuộc cải lương hương chính lần thứ nhất tại Bắc kỳ được đánh dấu một cách chính thức, quan phương, với điểm mốc là sự ra đời của *Nghị định*. Nhưng để có được *Nghị định* này, thì trước đó hàng chục năm, công cuộc cải lương đã được tiến hành thí điểm⁽²⁾ ở những địa phương khác nhau với khá nhiều trăn trở, băn khoăn của người trong cuộc.

Cải lương hương chính là đề tài được rất nhiều nhà khoa học quan tâm, nhưng cải lương thí điểm, giai đoạn tiền đề quan trọng trong công cuộc cải lương, lại chưa có ai đi sâu nghiên cứu như một vấn đề chuyên biệt. Với mong muốn tìm hiểu về giai đoạn đặc biệt này, chúng tôi dự định sẽ lần lượt khai thác các thông tin từ kho tục lệ, trước tiên là

(*) TS. Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

những văn bản tục lệ⁽³⁾ bằng chữ Nôm ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, mà bài viết này là sự mở đầu.

Bản diễn Nôm *Nghị định* của Thống sứ Bắc kỳ hiện được lưu trữ trong kho sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm với 3 ký hiệu AB.475, VNv.16 (bản in) và VNv.119 (bản chép tay). Theo như lời của dịch giả là nguyên Trợ giáo Hoàng Xuân Tường, bản dịch này có xuất xứ từ nguyên văn [tiếng Pháp - ĐPC] tại “mục *Công báo* số 8 năm 1921 và mục *Công báo* số 9 năm 1922, dịch thêm ra bản quốc âm và phụ thêm bản Quốc ngữ⁽⁴⁾”. Vì không biết tiếng Pháp và chưa tìm thấy bản Quốc ngữ, nên trong bài viết này, chúng tôi tạm dựa vào bản chữ Nôm. Trong số đó, bản được chọn dùng là AB.475, bởi so với 2 bản còn lại, nó có ưu điểm sau: ① Là bản in, ② Có nội dung đầy đủ, không bị thiếu và mất trang.

Trước tiên, chúng tôi xin lập bảng thống kê những thông tin chính của các văn bản tục lệ được tìm hiểu trong bài viết này⁽⁵⁾ (xem *Bảng 1* ở cuối bài).

Trên cơ sở chủ yếu là số liệu trong bảng thống kê, kết hợp với các tờ trình hoặc lời tựa ở đầu mỗi cuốn tục lệ, nội dung cụ thể của tục lệ cùng bản *Nghị định*, chúng tôi sẽ tìm hiểu về quá trình thí điểm cải lương ở Bắc kỳ theo những góc độ sau: ① Nội dung cải lương, ② Thời điểm thí điểm cải lương và địa bàn thí điểm; ③ Phương thức tiến hành thí điểm cải lương. Trong đó, ① là trọng điểm của bài viết.

I. Nội dung cải lương

Kết hợp *Bảng 1* và *Nghị định*, chúng ta có bảng so sánh giữa nội dung cải lương chủ yếu giữa thực tế với *Nghị định* như sau:

Bảng 2: Nội dung cải lương trong tục lệ và *Nghị định*

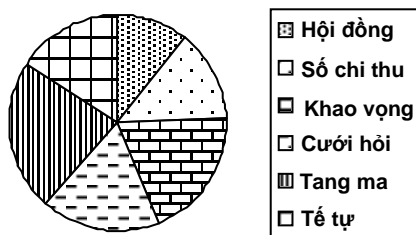
Loại văn bản	Tục lệ						Nghị định	
Nội dung cải lương	Lập Hội đồng	Khao vọng	Cưới hỏi	Tang ma	Sổ chi thu	Tế tự	Lập Hội đồng	Sổ chi thu

Như vậy là, nếu như *Nghị định* chủ yếu yêu cầu tiến hành cải lương trên 2 mục⁽⁶⁾ thì chỉ tính riêng những mục chính, cải lương thí điểm ở làng xã đã có tới 6 mục và một điều đáng chú ý là cả 2 mục ghi trong *Nghị định* đều không phải là vấn đề mà cải lương làng xã quan tâm và chỉ được non nửa số văn bản tục lệ đề cập (*Lập Hội đồng* được 33% số văn bản đề cập; *Sổ chi thu* thì xuất hiện tại 44% số văn bản). Trong khi đó các mục *Khao vọng*,

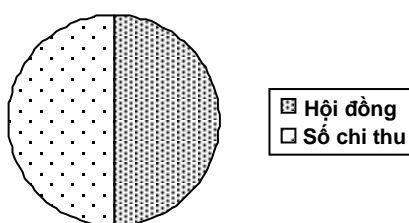
Cưới hỏi, *Tang ma* - phần phụ được nói thoáng qua trong *Phụ đính* của *Nghị định* - thì lại trở thành phần chính đối với làng xã và đều có quá nửa văn bản tục lệ đưa vào (lần lượt là 61%, 56%, 72%) và *Tế tự*⁽⁷⁾ thì được 50% số làng xã quan tâm.

Có thể hình dung một cách cụ thể về độ chênh giữa nội dung quy định trong *Nghị định* và nội dung trong thực tế cải lương ở làng xã qua biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ 1: Nội dung cải lương chủ yếu trong văn bản tục lệ



Biểu đồ 2: Nội dung cải lương chủ yếu trong Nghị định



So sánh nội dung cải lương giữa văn bản tục lệ với *Nghị định* cũng như tỷ lệ giữa các nội dung trên, có thể thấy người dân chủ yếu quan tâm tới việc tiết ước trong khao vọng, cưới hỏi, tang ma, tế tự, mà tinh thần chính là giảm/bỏ hẳn chi phí cỗ bàn, hoặc nộp tiền để chi dùng cho việc công thay cho làm cỗ (VD: **Khao vọng**: “Lệ khao vọng tục trước cứ làm cỗ bàn bánh quả mời mọc ăn uống nặng nề. Hễ xong một việc có người mất cửa nhà cơ nghiệp. Thực là vô ích quá! [...] Nay khao vọng chỉ có một lệ 30 đồng bạc và lễ xôi gà với cau [...]” - AF.a2/23 (tờ 26a); **Cưới hỏi**: “Lệ cũ [...] trong làng [...] thì nộp 6 quan tiền giá 5 đồng bạc. Người ngoài thì phải nộp gấp hai là 12 quan giá 10 đồng bạc, sau lại chuẩn cho trong làng phải nộp 1 đôi chiếu cặp điều làm chiếu công dân, mà ngoài làng cũng nộp như thế. Nay đổi ra là người làng nộp lệ 3 đồng, người ngoài

nộp lệ 6 đồng bạc để sung công mà thôi.” - AF.a3/53 (tờ 86a); **Tang ma**: “Lệ cũ làm cỗ [...] đãi những người đi đưa [...]. Nay đổi ra [...] lệ tiền làng [...] hạng nhất là 10 đồng, hạng nhì 6 đồng, hạng ba 3 đồng để lấy những tiền ấy sung công. Còn người nào nghèo thì chước cho không phải nộp [...]” - AF.a3/53 (tờ 88a); **Tế tự**: “Mọi năm ngày mùng 1 tháng giêng [...] và ngày mùng 3 tháng 3 [...] nguyên tục cũ cắt người đương cai phải [...] mời mọc ăn uống xa xỉ lắm. Từ nay về sau [...] mỗi tiết lấy 5 đồng bạc công quỹ [...] y lệ mỗi tiết 10 bát bánh [...], 5 cỗ xôi gà [...]. Ai ra lễ thì ăn uống, không biếu, không phần gì cả.” - AF.a2/23 (tờ 19a) v.v.

Tập trung chủ yếu vào giải quyết tệ nạn cỗ bàn, tức là chú trọng đến tiết kiệm tiền của cho dân. Nếu biết được tệ nạn cỗ bàn đã làm khổ những người dân nghèo ra sao, thì sẽ thấy việc cải lương những hủ tục này đối với người dân là điều đáng quý thế nào. Xin hãy xem lời thở than sau đây của một người trong cuộc để có thể hình dung được phần nào sự ghê gớm của tệ nạn ấy: “Kể lệ thì rất nhiều nhưng mà nói những việc trọng thì có những lệ tế tự hiểu hỷ mọi việc ít ra cũng phí đến một hai trăm bạc trở lên. Ấy là những lệ thường. Bây giờ người trước làm người sau theo, tuy rằng lệ làng, thực là nợ miệng. Cứ bảo nhau rằng “miếng trong làng bằng sàng xó bếp” rồi đến nổi tranh ngôi thứ, tranh phần biếu, sinh ra kiện cáo, đến có người phải bỏ làng mà đi.” (AF.a8/5, tờ 16b), v.v... Như vậy là, chú trọng cải lương vào việc cỗ bàn tức là quan tâm đến vấn đề thiết thân của các thành viên làng xã. Đối với người dân, trong các

hạng mục cải lương thì đây là điều quan trọng hơn cả, vì nó làm thay đổi cuộc sống, giúp họ có thể cởi bỏ được mối lo lắng triền miên về những món tiền “nợ miệng” mà vẫn được sống yên ổn ở nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Còn chú trọng đến việc lập Hội đồng và sổ chi tiêu, về hình thức, là giải quyết vấn đề dân chủ và tài chính công khai, chống tham ô, nhưng thực chất là để nâng cao khả năng quản lý bộ máy chính quyền làng xã. Qua việc lập Hội đồng dân biểu, cánh tay của nhà nước sẽ với được sâu hơn vào địa phương, nơi mà từ xưa đến nay vẫn được mệnh danh là “tiểu triều đình” với những quy định từ ngàn đời làm rào cản kiên cố, khiến cho nhà nước khó có thể can thiệp trực tiếp. Từ đó, chính quyền Pháp sẽ quản lý nhân khẩu được sát sao hơn, giải quyết nạn trốn thuế lậu thuế hoành hành đã nhiều năm, tiến tới xóa bỏ những thất thoát do sự ần lậu nhân đinh của làng xã: “Chính quyền làng xã hết sức tránh điều chinh danh bộ của sổ đinh; họ thay cho sổ người chết bằng người sống mà không thay đổi tên họ của người ghi danh [...] chính phủ đôi khi cũng thử tiến hành sao cho có được con số chính xác hơn, nhưng những ý đồ ấy không được tuân theo [...]”⁽⁸⁾; “Một số làng ghi một đinh cho 25 dân, trong khi làng khác lại khai một đinh cho 15 dân”⁽⁹⁾. Bởi vậy, không có gì là khó hiểu trước nhiệt tình cải lương của nhà nước thể hiện trong *Nghị định* cùng những nội dung được ghi trong đó. Cũng không khó để nhận ra rằng, quyền lợi của chính quyền trải ra ở cả 2 điều trong *Nghị định* (Hội đồng và sổ chi thu), còn quyền lợi của người dân chỉ có một phần trong Sổ

chi thu mà thôi. Có nghĩa là *Nghị định* nhấn mạnh quyền lợi của nhà nước hơn. Sự khác nhau về mục đích cải lương như thế đã dẫn tới độ chênh giữa quy định cải lương trong *Nghị định* với thực tế cải lương làng xã.

Chúng ta hãy xem *Bảng 1* để tìm hiểu về số mục được cải lương chủ yếu trong làng xã: không một mục nào được tất cả các bản đề cập (nhiều nhất là 13/18 bản - 72%; ít nhất là 6/18 bản - 33%), cũng như không bản nào nhắc tới cả 6 mục trên (nhiều nhất là 5/6 mục - 83%, ít nhất là 1/6 mục - 17%). Điều đó chứng tỏ rằng trong khi triển khai cải lương, rất có thể các làng tiến hành theo những nội dung do “quan trên” gợi ý, rồi tùy tình hình cụ thể của làng mình (giàu hay nghèo; ở đồng bằng, trung du hay miền núi; dân làng chủ yếu làm ruộng, làm thợ hay chạy chợ; làng có nhiều hay ít người đi học v.v.) mà chọn những nội dung khác nhau để thực hiện cải lương. Trong công cuộc thí điểm này, nhân dân đã được vận động cải lương trên 2 phần “cứng” và “mềm”. Trong đó “phản cứng” là chủ trương của chính phủ, gồm Hội đồng dân biểu và Sổ chi thu, hai vấn đề liên quan tới quyền lợi của chính quyền và về sau đã được quy định trong *Nghị định*, còn “phản mềm” thực ra là những ý tưởng đã được khởi đầu từ sáng kiến của vua Gia Long, với việc xóa bỏ các hủ tục cổ bản gây tổn kém tiền bạc cho dân chúng, là phần gắn với lợi ích của người dân, được quy định vào năm Gia Long thứ 3 (1804) và sau này lại được bổ sung vào năm Khải Định thứ 4 (1920). Trong suốt quá trình thực hành thí điểm, cả “phản cứng” lẫn “phản mềm” đều được làng xã áp dụng vào việc cải

lượng một cách “linh hoạt” đến mức tùy tiện, thể hiện ở sự chênh lệch rõ ràng về các mục cải lương đã phân tích ở trên.

Tóm lại, sự khác nhau giữa mỗi quan tâm của chính quyền trung ương và mỗi quan tâm của người dân, hoàn cảnh khách quan cũng như độ mở về nội dung của công cuộc cải lương thí điểm đã dẫn đến độ chênh giữa số mục cải lương ở các cuốn tục lệ với *Nghị định* cũng như độ chênh về số mục cải lương giữa các văn bản tục lệ với nhau.

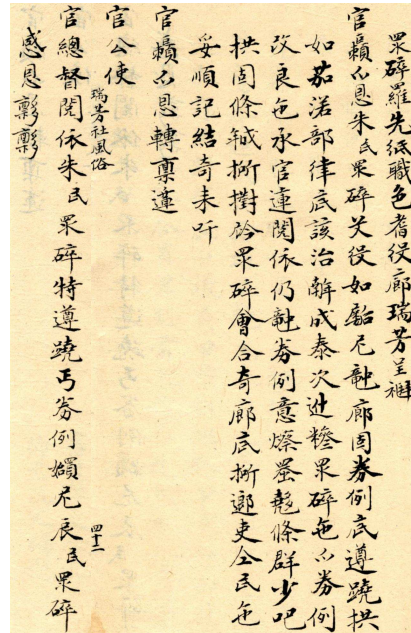
II. Thời điểm thí điểm cải lương và địa bàn thí điểm

1. Thời điểm thí điểm cải lương

Như chúng tôi đã trình bày, cải lương thí điểm được tiến hành trước khi có *Nghị định* khá lâu. Vậy công việc đó được bắt đầu từ bao giờ? Hiện chưa tìm được tài liệu nào cho biết về điều này. Theo như thống kê trong *Bảng 1*, niên hiệu sớm nhất của các văn bản là Duy Tân thứ 4 (1910), tức là trước *Nghị định* 11 năm. Nhưng tờ trình của chức dịch làng Thụy Phương tổng Phú Gia huyện Từ Liêm phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông lại cho thấy từ năm Thành Thái thứ 18 (1906), địa phương này đã làm “khoán lệ cải lương”. Nội dung tờ trình trong bản tục lệ làng Thụy Phương như sau:

“Chúng tôi là tiên chỉ, chức sắc, kỳ dịch làng Thụy Phương trình lạy quan lớn làm ơn cho để chúng tôi một việc như sau này: Trong làng có khoán lệ để tuân theo cũng như nhà nước có bộ luật để cai trị. Năm Thành Thái thứ 18 (1906) chúng tôi đã làm khoán lệ cải lương đã thừa quan trên duyệt y. Nhưng trong khoán lệ ấy xét ra nhiều điều còn thiếu và cũng có điều nên sửa đổi. Nay chúng tôi hội họp cả làng để sửa sang lại. Đồng dân đã thỏa

thuận ký kết cả rồi. Xin quan lớn làm ơn chuyển bẩm lên quan Công sứ, quan Tổng đốc duyệt y cho dân chúng tôi được tuân theo cái khoán lệ mới này thì dân chúng tôi cảm ơn lắm lắm”⁽¹⁰⁾.



Tờ trình của chức dịch làng Thụy Phương trong Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Phú Gia tổng Thụy Phương xã phong tục (AF.a2/63)

Hiện chưa thấy có tài liệu cho biết văn bản cải lương sớm nhất là vào năm nào. Với thông tin từ tục lệ làng Thụy Phương, chúng ta biết rằng việc thí điểm này được tiến hành muộn nhất cũng phải từ năm 1906, sớm hơn so với *Nghị định* đầu tiên về cải lương hương chính ở Bắc kỳ 15 năm. Mốc 1906 nói trên có lẽ là rất sát với thời điểm Pháp cho tiến hành cuộc thí điểm. Bởi trong “*Bài Diễn-văn của quan Thống sứ J. Karau Theime*”⁽¹¹⁾ trong Hội đồng kỳ tháng Octobre 1925 của Bắc kỳ Tư vấn *Nghị viện*” có nói: “Việc lập sổ hộ tịch ở Bắc kỳ có đã 20 năm nay rồi”⁽¹²⁾. Lập sổ hộ tịch chính là

một trong ba công việc để chính quyền Pháp thu tóm làng xã, tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất⁽¹³⁾. 20 năm trở về trước, tính từ thời điểm Thống sứ phát biểu, sẽ là năm 1905. Như vậy là, song song với việc thắt chặt hơn việc quản lý làng xã bằng việc điều tra hộ tịch, địa bạ và sổ thu chi, phong trào cải lương thí điểm đã được vận động ở làng xã và thời điểm tiến hành đồng loạt tất cả các việc này là vào khoảng năm 1905 - 1906.

2. Địa bàn thí điểm cải lương

Hiện chúng tôi mới được biết đến 3 thông tin về địa bàn thí điểm cải lương. Đó là:

1. “Sau những thử nghiệm được tiến hành ở một số địa phương thuộc tỉnh Hà Đông với sự trợ giúp đắc lực của Tổng đốc Hoàng Cao Khải, ngày 12-8-1921, Thống sứ Bắc kỳ ra ND (Nghị định - ĐPC) về việc tổ chức bộ máy quản lý cấp xã ở BK (Bắc kỳ - ĐPC)”⁽¹⁴⁾;

2. “Chính quyền thực dân và tay sai cho tiến hành thử nghiệm ở một số làng xã của tỉnh Hà Đông và bước đầu đã có kết

quả nhất định. Năm 1921, Pháp chính thức cho thi hành chính sách cải lương hương chính ở Bắc kỳ với hai nội dung chính là cải cách bộ máy hành chính cấp xã và thống nhất việc lập sổ chi tiêu”⁽¹⁵⁾.

3. “Tỉnh Hà Đông - nơi thí điểm chính sách cải lương hương chính thời Pháp thuộc”⁽¹⁶⁾.

Cả 3 tài liệu trên đều cho biết địa bàn thí điểm cải lương là tỉnh Hà Đông. Nhưng các văn bản tục lệ mà chúng tôi tìm hiểu lại cho thấy công việc này không chỉ diễn ra ở Hà Đông mà ít nhất còn ở 4 tỉnh khác là Bắc Ninh, Hà Nam, Hưng Yên và Phúc Yên (xin xem *Bảng 1*). Đền đây, một câu hỏi được đặt ra: trong số những địa phương có văn bản tục lệ cải lương thí điểm được tìm thấy và nghiên cứu ở đây, trừ Hà Đông - địa phương chắc chắn có chủ trương thí điểm cải lương của nhà nước - 4 tỉnh còn lại là Bắc Ninh, Hà Nam, Hưng Yên và Phúc Yên đã triển khai cuộc thí điểm theo lệnh trên, hay do tự phát? Qua việc tìm hiểu thông tin từ văn bản, chúng tôi có bảng thống kê dưới đây:

TT	Văn bản	Ký hiệu	Thông tin cho biết việc cải lương có liên quan đến quan trên ⁽¹⁷⁾
1	<i>Bắc Ninh tỉnh Thuận Thành phân phủ Đề Kiêu xã dân tục</i>	AF.a8/5	X
2	<i>Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Dương Liễu tổng Dương Liễu xã tục lệ</i>	AF.a2/11	0
3	<i>Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Dương Liễu tổng Quế Dương xã phong tục</i>	AF.a2/14	0
4	<i>Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Dương Liễu tổng Yên Sở xã phong tục</i>	AF.a2/15	X
5	<i>Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Đắc Sở tổng Phương Bảng xã phong tục</i>	AF.a2/17	X
6	<i>Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Đan Phượng huyện Sơn Đồng tổng Sơn Đồng xã cải định tục lệ</i>	AF.a2/22	X

7	Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Thọ Lão tổng Thanh Diêm xã chính trị phong tục	AF.a2/23	X
8	Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Phú Gia tổng Thụy Phương xã phong tục	AF.a2/63	X
9	Hà Đông tỉnh Thanh Trì huyện Thanh Trì tổng Yên Duyên xã tục lệ	AF.a2/87	X
10	Hà Nam tỉnh Duy Tiên huyện Mộc Hoàn tổng Nha Xá xã tục lệ	AF.a10/2 3	0
11	Hà Nam tỉnh Lý Nhân phủ Kim Bảng huyện Nhật Tựu tổng Siêu Nghệ xã tục lệ	AFa.10/4	X
12	Hà Nam tỉnh Lý Nhân phủ Kim Bảng huyện Phù Lưu tổng Phù Đê xã tục lệ	AF.a10/5	X
13	Hưng Yên tỉnh Văn Lâm huyện Đông Xá tổng Mỹ Xá xã Mễ Đậu thôn khoán ước	AF.a3/65	0
14	Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Từ Dương tổng Đông Xá xã Thụy Lâm thôn tục lệ	AF.a3/53	X
15	Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Yên Phú tổng Hào Xuyên xã Đông La thôn tục lệ	AFa.3/57	X
16	Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Yên Phú tổng Hào Xuyên xã Thượng thôn tục lệ	AFa.3/58	X
17	Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Yên Phú tổng Thổ Cốc xã tục lệ	AFa.3/59	X
18	Phúc Yên tỉnh Đông Anh huyện Xuân Nộn tổng Thư Lâm xã Cổ Miếu thôn tục lệ	AFa.7/5	0

Trong số 18 bản, thì 5 không có thông tin cho biết được cải lương theo lệnh quan trên hoặc bản tục lệ cải lương đã được trình quan trên duyệt hay không. Sau đây là bảng thống kê số bản có và không có thông tin trên theo từng tỉnh:

TT	Tỉnh	Có liên quan đến quan trên	Không có liên quan đến quan trên
1	Bắc Ninh	1	0
2	Hà Đông	6	2
3	Hà Nam	2	1
4	Hưng Yên	4	1
5	Phúc Yên	0	1
	Tổng số	13	5

Trong số 5 tỉnh trên, duy Phúc Yên không có văn bản cho biết việc cải lương

thí điểm được tiến hành theo lệnh quan trên hay không, hoặc bản tục lệ cải lương đã được trình quan trên duyệt hay chưa. Có thể đặt giả thiết như sau: Văn bản tục lệ của địa phương nào không có thông tin liên quan đến quan trên thì chứng tỏ việc cải lương đó là tự phát. Và Phúc Yên chính là địa phương nằm trong diện này. Nhưng tính thuyết phục của giả thiết trên có vẻ không cao lắm, bởi: ① Số văn bản hiện biết của Phúc Yên chỉ có 1, nên sẽ là vội vã nếu đưa ra kết luận ngay mà không đợi đến khi tìm được các văn bản khác; ② Ngay đến Hà Đông là nơi chắc chắn có cải lương thí điểm mà còn có tới 2 văn bản không cho biết việc cải lương có liên quan đến quan trên hay không. Bởi thế,

hiều khả năng sự xuất hiện hay thiếu vắng thông tin đó trong văn bản là tùy vào người chép tục lệ. Nếu vậy thì rất có thể Phúc Yên cũng được quan trên cho tiến hành cải lương thí điểm như 4 tỉnh kia.

Đến đây, có thể khẳng định rằng công cuộc cải lương thí điểm không chỉ dừng lại ở 1 tỉnh là Hà Đông như chúng ta vẫn tưởng, mà ít nhất phải trải ra đến 4 - 5 tỉnh. Đây là điều hợp lý vì tục lệ là một vấn đề nhạy cảm, phức tạp và không dễ đổi thay. Mỗi địa phương có một đặc điểm tính cách, bản sắc văn hóa, tâm linh, hoàn cảnh lịch sử - địa lý... khác nhau. Nếu như việc thí điểm chỉ được tiến hành ở một tỉnh thì không thể cho kết quả khách quan cũng như những kinh nghiệm khả tín và sẽ khó mong cải lương có được kết quả tốt đẹp. Bởi thế, việc tiến hành thí điểm cùng lúc trên nhiều địa phương là một quyết định đúng đắn của nhà cầm quyền lúc bấy giờ.

III. Phương thức tiến hành thí điểm cải lương

Qua nội dung *Tờ trình* của chức dịch làng Thụy Phương ở trên, có thể thấy việc thí điểm cải lương được triển khai theo hướng vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Mặc dù bản tục lệ cải lương “đã thừa quan trên duyệt y” nhưng vì thấy “trong khoán lệ ấy xét ra nhiều điều còn thiếu và cũng có điều nên sửa đổi”, các chức dịch lại “hội họp cả làng để sửa sang lại”. Còn có thể bắt gặp hiện tượng này trong nhiều văn bản tục lệ khác. Ví dụ như tục lệ thôn Mễ Đậu xã Mỹ Xá tổng Đồng Xá huyện Văn Lâm tỉnh Hưng Yên, dù đã quy định về việc chống trộm cướp rồi, nhưng tại phần *Tăng bổ điều ước* ngay bên dưới, điều này lại được thay đổi với lời chua: “Ở trên đã định rồi nhưng mà còn nhẹ thì phải định lại⁽¹⁸⁾”. Đây cũng là điều nhất quán với

chủ trương của nhà nước trong việc chỉ đạo thực hiện cải lương hương chính ở *Nghị định* của Thống sứ Bắc kỳ sau này: “Tiếng rằng quan Công sứ phê thế rồi thực. Nhưng nếu sau làng thấy việc man trá hay là việc bất hợp lệ thì vẫn được giữ quyền mà khiếu nại”⁽¹⁹⁾.

Tóm lại, sau khi tìm hiểu những văn bản tục lệ cải lương thí điểm bằng chữ Nôm ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, có thể rút ra những kết luận dưới đây:

Thứ nhất, trong khi *Nghị định* do Thống sứ Bắc kỳ ban bố chủ yếu quan tâm đến Hội đồng dân biểu và Sổ chi thu thì nội dung cải lương trong đợt thí điểm tại các làng xã lại chú trọng đến việc tiết giảm trong khao vọng, cưới hỏi, tang ma, tế tự; Hội đồng dân biểu và lập sổ thu chi chỉ là thứ yếu. Sự không thống nhất này được quyết định bởi mỗi quan tâm khác nhau giữa chính phủ và làng xã cũng như hoàn cảnh khách quan của từng địa phương.

Thứ hai, thời điểm bắt đầu tiến hành thí điểm cải lương là khoảng năm 1905-1906, trước khi ban hành *Nghị định* 15-16 năm.

Thứ ba, địa bàn tiến hành thí điểm cải lương diễn ra ít nhất ở 4 hoặc 5 tỉnh (Bắc Ninh, Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên hoặc Bắc Ninh, Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên và Phúc Yên), chứ không phải chỉ riêng tỉnh Hà Đông.

Trở lên là một số kết quả bước đầu về giai đoạn cải lương thí điểm ở Bắc kỳ qua khảo sát các văn bản tục lệ bằng chữ Nôm tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Chúng tôi sẽ tiếp tục tìm hiểu những vấn đề liên quan tới cải lương thí điểm nói riêng, cải lương hương tục nói chung qua nhóm văn bản nói trên trong thời gian tới.

Đ.P.C

Bảng 1: Các văn bản tục lệ thí điểm cải lương bằng chữ Nôm
tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm

T T	Văn bản	Ký hiệu	Niên hiệu	Những nội dung “cải lương” chủ yếu ⁽²⁰⁾						Số mục cải lương chủ yếu
				Lập Hội đồng	Số chi thu	Khao vọng	Cưới hỏi	Tang ma	Tế tự	
1.	<i>Bắc Ninh tỉnh Thuận Thành phân phủ Đề Kiêu xã dân tục</i>	AF.a8/5	Duy Tân thứ 7 (1913) ⁽²¹⁾		x	x	x	x	x	5 (83 ⁽²²⁾)
2.	<i>Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Dương Liễu tổng Dương Liễu xã tục lệ</i>	AF.a2/11	Duy Tân thứ 8 (1914)	x						1 (17)
3.	<i>Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Dương Liễu tổng Quế Dương xã phong tục</i>	AF.a2/14	Duy Tân thứ 8 (1914) lập		x	x	x	x	x	5 (83)
4.	<i>Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Dương Liễu tổng Yên Sở xã phong tục</i>	AF.a2/15	Duy Tân thứ 8 (1914)	x						1 (17)
5.	<i>Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Đắc Sở tổng Phương Bảng xã phong tục</i>	AF.a2/17	Duy Tân thứ 9 (1915) lập			x		x	x	3 (50)
6.	<i>Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Đan Phượng huyện Sơn Đồng tổng Sơn Đồng xã</i>	AF.a2/22	Duy Tân thứ 7 (1913) soạn	x						1 (17)

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU VỀ CẢI LƯƠNG HƯƠNG TỤC THÍ ĐIỂM...

T T	Văn bản	Ký hiệu	Niên hiệu	Những nội dung “cải lương” chủ yếu ⁽²⁰⁾						Số mục cải lương chủ yếu
				Lập Hội đồng	Số chi thu	Khảo vọng	Cưới hỏi	Tang ma	Tế tự	
	<i>cải định tục lệ</i>									
7.	<i>Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Thọ Lão tổng Thanh Diêm xã chính trị phong tục</i>	AF.a2/23	Duy Tân thứ 8 (1914) lập			x		x	x	3 (50)
8.	<i>Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Phú Gia tổng Thụy Phương xã phong tục</i>	AF.a2/63	Duy Tân thứ 9 (1915)	x			x		x	3 (50)
9.	<i>Hà Đông tỉnh Thanh Trì huyện Thanh Trì tổng Yên Duyên xã tục lệ</i>	AF.a2/87	Duy Tân thứ 4 (1910) trình				x	x		2 (33)
10.	<i>Hà Nam tỉnh Duy Tiên huyện Mộc Hoàn tổng Nha Xá xã tục lệ</i>	AF.a10/23	Khải Định thứ 3 (1918) sao	x		x		x		3 (50)
11.	<i>Hà Nam tỉnh Lý Nhân phủ Kim Bảng huyện Nhật Tựu tổng Siêu Nghệ xã tục lệ</i>	AFa.10/4	Khải Định thứ 5 (1920)	x		x	x	x		4 (67)
12.	<i>Hà Nam tỉnh Lý Nhân phủ Kim Bảng huyện Phù Lưu tổng Phù Đê</i>	AF.a10/5	Khải Định thứ 5 (1920)		x	x		x		3 (50)

T T	Văn bản	Ký hiệu	Niên hiệu	Những nội dung “cải lương” chủ yếu ⁽²⁰⁾						Số mục cải lương chủ yếu
				Lập Hội đồng	Số chi thu	Khảo vọng	Cưới hỏi	Tang ma	Tết tự	
	<i>xã tục lệ</i>									
13.	<i>Hưng Yên tỉnh Văn Lâm huyện Đông Xá tổng Mỹ Xá xã Mễ Đậu thôn khoán ước</i>	AF.a3/65	Duy Tân thứ 9 (1915)		x		x	x		3 (50)
14.	<i>Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Từ Dương tổng Đông Xá xã Thụy Lâm thôn tục lệ</i>	AF.a3/53	Khải Định thứ 4 (1920)		x	x	x	x	x	5 (83)
15.	<i>Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Yên Phú tổng Hào Xuyên xã Đông La thôn tục lệ</i>	AFa.3/57	Khải Định thứ 4 (1920)		x	x	x	x	x	5 (83)
16.	<i>Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Yên Phú tổng Hào Xuyên xã Thượng thôn tục lệ</i>	AFa.3/58	Khải Định thứ 4 (1919)		x	x	x	x	x	5 (83)
17.	<i>Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Yên Phú tổng Thổ Cốc xã tục lệ</i>	AFa.3/59	Khải Định thứ 4 (1920) văn bản hóa		x	x	x	x		4 (67)
18.	<i>Phúc Yên tỉnh Đông Anh huyện Xuân Nộn tổng Thư Lâm xã Cổ Miếu thôn tục lệ</i>	AFa.7/5	Mậu Ngọ (1918) soạn						x	1 (17)
	Số lần xuất hiện trong các bản			6 (33) <small>(23)</small>	8 (44)	11 (61)	10 (56)	13 (72)	9 (50)	

Chú thích:

(1) Theo nội dung trong *Nghị định* thì “Hương hội” chính là “Hội đồng tộc biểu”.

(2) Một số công trình trước đây, đã dùng khái niệm “thử nghiệm” khi nhắc đến giai đoạn này (Lê Thị Hằng. *Chính sách cải lương hương chính do chính quyền Pháp tiến hành ở Bắc kỳ - qua thực tiễn tỉnh Hà Đông*. Luận văn thạc sĩ lịch sử. H. 2008; Dương Quốc Anh. *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử*. Tập 3 (1919 - 1935). Nxb. KHXH, H. 1988. “Thí điểm” và “thử nghiệm” được *Đại từ điển tiếng Việt* - gọi tắt là *ĐTĐTV* (Nguyễn Như Ý chủ biên, Nxb. Văn hóa - Thông tin, H. 1999) định nghĩa như sau: “thí điểm: thử để rút kinh nghiệm” (tr.1561); “thử nghiệm”: làm thử, thí nghiệm xem kết quả ra sao” (tr.1611). Tuy có chung nét nghĩa làm “thử”, nhưng xét về tính chất của đợt cải lương cũng như mục đích của nhà cầm quyền (làm thử rồi tiến hành triển khai rộng rãi), thì “thí điểm” với nét nghĩa “để rút kinh nghiệm” sẽ là từ chuẩn xác hơn. Bởi vậy, bài viết này tạm gọi giai đoạn ấy là “thí điểm cải lương” hoặc “cải lương thí điểm”.

(3) “Tục lệ” có rất nhiều cách gọi. “[...] lệ làng thành văn được các làng xã gọi bằng 50 tên khác nhau” (Vũ Duy Mên (chủ biên) - Hoàng Minh Lợi. *Hương ước làng xã Bắc kỳ Việt Nam với luật làng Kanto Nhật Bản (thế kỷ XVII - XIX)*. Viện Sử học, H. 2001, tr.27). Trong số những văn bản tục lệ chữ Nôm mà chúng tôi khảo sát tại bài viết này, có 11 bản dùng khái niệm “tục lệ” (AF.a2/11, AF.a2/22, AF.a2/87, AF.a10/23, AFa.10/4, AFa.10/5, AF.a3/53, AF.a3/57, AF.a3/58, AF.a3/59, AFa.7/5); 1 dùng “dân tục” (AF.a8/5), 5 dùng “phong tục”

(AF.a2/14, AF.a2/15, AF.a2/17, AF.a2/23, AF.a2/63); 1 dùng “khoán ước” (AF.a3/65). Các khái niệm này được những bộ từ điển tiếng Hán và tiếng Việt quy mô lớn, nhiều người tín nhiệm định nghĩa như sau: ① TỤC LỆ là “những điều quy định, nếp sống từ lâu đời đã thành thói quen” (*ĐTĐTV*, tr.1747); “世俗之禁忌或儀節等” *thế tục chi cấm kỵ hoặc nghi tiết đẳng* - những cấm kỵ và phép tắc của thế tục (khái niệm này trong tiếng Hán được gọi là “tục lệ nghi” - *Trung văn đại từ điển* (gọi tắt là *Trung văn*), Trung Quốc văn hóa nghiên cứu sở ấn hành, tập 3, tr.94); ② DÂN TỤC là “人民之風俗習慣” *nhân dân chi phong tục tập quán* - phong tục tập quán của nhân dân (*Trung văn*, tập 18, tr.365). **Khái niệm này không có trong từ điển tiếng Việt**; ③ PHONG TỤC là “lối sống, thói quen đã thành nề nếp, được mọi người công nhận, tuân theo” (*ĐTĐTV*, tr.1339); “謂社會之風氣習俗也” *vị xã hội chi phong khí tập tục dã* - chỉ phong tục tập quán của xã hội (*Trung văn*, tập 37, tr.111); ④ KHOÁN ƯỚC là “bản giao kèo” - *ĐTĐTV*, tr.910); “契約也” *Khế ước dã* - khế ước (*Trung văn*, tập 4, tr.288). “Khế ước”: “以發生司法上之效果爲目的二人以上同意訂立之條款曰契約” *dĩ phát sinh tư pháp thượng chi hiệu quả vi mục đích, nhị nhân dĩ thượng đồng ý đĩnh lập chi điều khoản viết khế ước* - điều khoản do hai người trở lên cùng chung một ý lập nên, lấy hiệu quả phát sinh trên tư pháp làm mục đích gọi là khế ước. (*Trung văn*, tập 9, tr.3).

Tuy cách giải thích có khác nhau, nhưng những khái niệm trên (trừ “khoán ước” có nghĩa không phù hợp lắm với các văn bản tục lệ) về cơ bản là tương đồng. Bởi vậy, theo chúng tôi, phương án hợp lý nhất là

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU VỀ CẢI LƯƠNG HƯƠNG TỤC THÍ ĐIỂM...

tôn trọng cách gọi đáp ứng được 2 yêu cầu sau: ① Mang ý nghĩa phù hợp với các văn bản được khảo sát; ② Được nhiều người đương thời chọn dùng hơn cả. Và ở đây, “tục lệ”, khái niệm được 11/18 (61%) văn bản sử dụng, sẽ được chọn để chỉ những văn bản được nghiên cứu trong bài viết của chúng tôi.

(4) Không thấy bản Quốc ngữ ở những văn bản này.

(5) Các văn bản tục lệ được tìm hiểu trong bài viết là tất cả những bản mang nội dung cải lương được viết bằng chữ Nôm trước thời điểm *Nghị định* được ban hành và hiện đang được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

(6) Việc khao vọng, cưới hỏi, tang ma tuy cũng có trong *Nghị định*, nhưng không phải là nội dung chính, mà chỉ chiếm 5 dòng khiêm tốn trong mục *Phụ đính vào bản quy thức về việc thực hành sổ chi thu hàng xã* (*Nghị định*. Sdd, tờ 37b) mà thôi.

(7) Tề tự là phần không có trong *Nghị định*.

(8) Pierre Gourou : *Người nông dân châu thổ Bắc kỳ*, Nxb. Trẻ, 2003 (tr.160).

(9) Pierre Gourou. Sdd (tr.161).

(10) *Hà Đông tỉnh Hoài Đức phủ Từ Liêm huyện Phú Gia tổng Thụy Phương xã tục lệ* AF.a2/63. Tờ 42a-b.

(11) Bên cạnh những góp ý quý báu cho người viết, nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh còn tặng chúng tôi bài diễn văn trên. Nhân đây, chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

(12) *Bài diễn văn* đã dẫn (tr.33).

(13) Để thuận lợi cho công việc khai thác thuộc địa cũng như để chống trốn thuế lậu thuế, thực dân Pháp đã hạn chế sự độc lập của làng xã bằng cách kiểm soát đình

(hộ tịch) điền (địa bạ) và sổ thu chi, tức bắt đầu chuyển thiết chế làng xã từ “tự trị” sang “tự quản”. Các công việc này đã được nói khá rõ trong bài phát biểu năm 1925 của Thống sứ.

(14) Dương Quốc Anh: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử*. Tập 3 (1919 - 1935). Nxb. KHXH, H. 1988, tr.51.

(15) Lê Thị Hằng: *Chính sách cải lương hương chính do chính quyền Pháp tiến hành ở Bắc kỳ - qua thực tiễn tỉnh Hà Đông*. Luận văn Thạc sĩ lịch sử. H. 2008, tr.43 (Thư viện Khoa Sử Trường Đại học Sư phạm Hà Nội).

(16) Nguyễn Thị Lệ Hà. Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 9/2012.

(17) Mối liên quan ở đây là chỉ việc cải lương được tiến hành theo lệnh quan trên hoặc bản tục lệ đã được trình quan trên duyệt.

(18) *Hung Yên tỉnh Văn Lâm huyện Đông Xá tổng Mỹ Xá xã Mễ Đậu thôn khoán ước* AF.a3.65, tờ 46a.

(19) *Nghị định*. Tờ 39a.

(20) Nội dung cải lương trong các bản tục lệ không chỉ dừng lại ở những mục được thể hiện tại bảng này, bởi khuôn khổ của một bài viết chỉ cho phép chúng tôi thống kê những nội dung chủ yếu. Hai mục Lập hội đồng và Sổ chi thu, nếu so sánh về số lần được đề cập, thì còn kém nhiều nội dung khác không được liệt kê ở đây. Nhưng vì đó là 2 nội dung trong *Nghị định* nên chúng tôi đưa vào bảng thống kê này để so sánh với nội dung trong *Nghị định*, từ đó, tìm hiểu những vấn đề liên quan.

(21) Việc chỉ ghi niên hiệu hay còn có thêm các yếu tố “lập”, “sao” hoặc “văn bản hóa”... là tùy thuộc vào thông tin từ văn bản.

(22) Số trong () là % số mục cải lương chủ yếu.

(23) Số trong () là số % văn bản đề cập đến mục đó.

Trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của quỹ NAFOSTED trong khi chúng tôi thực hiện bài viết này.

TU LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Quốc Anh: *Việt Nam - Những sự kiện lịch sử*. Tập 3 (1919 - 1935), Nxb. KHXH, H. 1988.

2. Nguyễn Thị Lê Hà: *Tỉnh Hà Đông - nơi thí điểm chính sách cải lương hương chính thời Pháp thuộc*. *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 9/2012.

3. Lê Thị Hằng. *Chính sách cải lương hương chính do chính quyền Pháp tiến hành ở Bắc kỳ - qua thực tiễn tỉnh Hà Đông*. Luận văn Thạc sĩ lịch sử. H. 2008. Thư viện

Khoa Sử Đại học Sư phạm Hà Nội, ký hiệu 0-1/266.

4. J. Karau Theimer: *Bài Diễn văn Hội đồng kỳ tháng 10 năm 1925 của Bắc kỳ Tư vấn Nghị viện*. Bản in.

5. *Hương ước làng xã Bắc kỳ Việt Nam với luật làng Kanto Nhật Bản (thế kỷ XVII - XIX)*. Vũ Duy Mền chủ biên, Hoàng Minh Lợi, Viện Sử học, H. 2001.

6. *Nghị định và lời chỉ thị về việc lập các Hương hội và lập sổ chi thu các xã trong xứ Bắc kỳ (AB.475)*.

7. Pierre Gourou: *Người nông dân châu thổ Bắc kỳ*, Nxb. Trẻ. 2003.

8. *Trung văn đại từ điển*. Trung Quốc văn hóa nghiên cứu sở ấn hành. Đài Bắc, 1968.

9. *Đại từ điển tiếng Việt*. Nguyễn Như Ý chủ biên, Nxb. Văn hóa - Thông tin, H. 1999./.